

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **839/2020/LĐ-PT**

Ngày: 03/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng lao
động, tiền lương và bồi thường
thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Út**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Sang**

Ông **Bùi Liên Minh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông **Huỳnh Thanh Hải** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/LĐPT ngày 03/8/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động, tiền lương và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 05/2020/LĐ-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận F bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4169/2020/QĐPT-LĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Lệ T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 166/11 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Hồ Trần H**, sinh năm 1993; địa chỉ: 96/45 Đường E, tổ 8, KP5, phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1538 ngày 21/3/2020 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Một, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: **Công ty TNHH G**

Trụ sở: 9A Đường H, KP5, phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Trương Thị Uyên Phương**, sinh năm 1979; địa chỉ: 280/120/1 Đường K, Phường L, quận M; Thành phố Hồ Chí Minh; địa

chỉ liên lạc: 9A Đường H, KP5, phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2020).

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH G là bị đơn.
- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận F.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01/10/2019, bà Lê Thị Lê T ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 03 tháng làm việc tại Công ty TNHH G (viết tắt là Công ty).

Thực tế, bà T đã ký hợp đồng thử việc và làm việc tại Công ty từ ngày 01/8/2019, sau đó mới được ký hợp đồng lao động xác định thời hạn số HD1_8010/HĐLĐ từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/12/2019. Công việc khi thử việc và khi ký hợp đồng là nhân viên kinh doanh và quyền lợi vật chất được ghi tại Điều 3 trong hợp đồng như sau:

1. Mức lương chính là 7.000.000 đồng (bảy triệu).
2. Tiền thưởng: Dựa trên các điều khoản của Luật lao động hiện hành.
3. Chế độ nâng lương theo chính sách Công ty.

Trong quá trình làm việc, bà T không nộp sổ bảo hiểm cho Công ty nên Công ty chưa thực hiện bất kỳ các quyền lợi về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động

Ngày 25/10/2019, Công ty đưa Biên bản thanh lý hợp đồng lao động số TLHD1_8010 ngày 25/10/2019 đã có sẵn chữ ký của giám đốc được đóng dấu và đề nghị bà T nghỉ việc với lý do cắt giảm biên chế, yêu cầu bà T không được vào Công ty kể từ ngày 25/10/2019. Đồng thời, Công ty sẽ bồi thường cho bà T 02 tháng tiền lương theo mức lương thỏa thuận trong hợp đồng. Mặc dù lương thực nhận của bà T được trả dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng: Tháng 8/2019 là 18.671.154 đồng; Tháng 9/2019 là 18.000.000 đồng; Tháng 10/2019 là 22.013.462 đồng (38.013.462 đồng -16.000.000 đồng do Công ty khai chuyển lương tháng 11,12/2019). Do đó, bà T không đồng ý ký Biên bản thanh lý hợp đồng mà chỉ ký Biên bản bàn giao các trang thiết bị làm việc ngày 25/10/2019 và Công ty cũng không cho bà T tiếp tục vào làm việc kể từ ngày 25/10/2019.

Ngày 29/10/2019, bà T có đến Công ty đề nghị được tiếp tục làm việc hoặc phải có văn bản chấm dứt hợp đồng lao động đúng theo quy định pháp luật nhưng Công ty từ chối không cung cấp

Ngày 30/10/2019, bà T đã nộp đơn hòa giải tại Phòng lao động Thương binh và Xã hội Quận F đồng thời đề nghị Công ty cung cấp Phiếu lương để có được số liệu chính xác mức lương thực nhận nhưng Công ty từ chối.

Ngày 18/5/2020 (trong buổi hòa giải) cũng như tại phiên tòa, Công ty có đề nghị nhận người lao động trở lại làm việc nhưng bà T từ chối vì cho rằng

Công ty đã thể hiện ý chí chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật kể từ ngày 25/10/2019 thể hiện qua những chứng cứ sau:

+ Buộc người lao động ký bàn giao các trang thiết bị lao động ngày 25/10/2019 và không cho bà T vào làm việc.

+ Kể từ ngày 02/11/2019 đã chuyển khoản lương cho thôi việc tháng 11, 12/2019.

+ Tại mục 6.2 Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 04/11/2019, Công ty đã khẳng định: “Công ty quyết định thanh lý hợp đồng với người lao động” nên việc đưa ra đề nghị nhận người lao động trở lại làm việc khi có tranh chấp tại tòa là không thiện chí trung thực.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T xác định lại yêu cầu khởi kiện:

1. Thanh toán tiền lương trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 30/12/2019: $18.121.154 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 36.242.308 \text{ đồng}$ (căn cứ mức bình quân mức lương của các tháng 8,9,10/2019 được Công ty chuyển khoản dựa vào sao kê của Ngân hàng).

Tuy nhiên, nguyên đơn đã nhận được số tiền 16.000.000 đồng là lương cơ bản của tháng 11, 12/2019. Do đó, nguyên đơn xác định lại chỉ yêu cầu Công ty trả thêm số tiền lương của tháng 11, 12/2019 là $20.242.308 \text{ đồng}$ ($36.242.308 \text{ đồng} - 16.000.000 \text{ đồng}$).

2. Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: $18.121.154 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 36.242.308 \text{ đồng}$.

3. Trả trợ cấp thôi việc: 4.530.288 đồng (do có 02 tháng thử việc từ tháng đầu tháng 8/2019 đến hết tháng 9/2019 nên được làm tròn là nửa năm và theo quy định chỉ trả trợ cấp thôi việc trong trường hợp này được tính là $\frac{1}{4}$ tháng lương tức $18.121.154 \text{ đồng}/4$).

4. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/10/2019 đến hết ngày 30/12/2019 với mức lương 18.121.154 đồng/tháng.

Sổ bảo hiểm của bà T, mã số 7410097542 do Bảo hiểm xã hội Quận F cấp ngày 28/6/2019.

5. Bồi thường 01 tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước: 18.121.154 đồng. Theo luật định thì hợp đồng có thời hạn sẽ có thời gian báo trước chấm dứt hợp đồng lao động là 30 ngày.

6. Bồi thường thêm 02 tháng tiền lương để chấm dứt Hợp đồng lao động: $18.121.154 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 36.242.308 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền mà Công ty phải trả cho bà T là 115.378.366 đồng.

Nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn Công ty TNHH G, ủy quyền cho ông Cao Hoàng A, trình bày:**

Công ty xác nhận về quá trình tuyển dụng, ký hợp đồng lao động số HD1_8010/HĐLĐ từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/12/2019 với vị trí công việc đã nêu trong hợp đồng. Tuy nhiên, đây là hợp đồng lao động thời vụ vì thời hạn hợp đồng chỉ có thời hạn 03 tháng.

Ngày 25/10/2019, Công ty đưa Biên bản thanh lý hợp đồng lao động số TLHD1_8010 ngày 25/10/2019 đã có sẵn chữ ký của giám đốc được đóng dấu và đề nghị bà T nghỉ việc với lý do cắt giảm biên chế, yêu cầu bà T không làm việc tại Công ty kể từ ngày 25/10/2019 tuy nhiên bà T vẫn có quyền đến Công ty để làm các giải trình hoặc bàn giao thông tin công việc. Đồng thời, Công ty sẽ bồi thường cho bà T 02 tháng tiền lương theo mức lương thỏa thuận trong hợp đồng nhưng bà T không đồng ý.

Về hình thức trả tiền và mức lương:

Công ty trả tiền cho bà T dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng vào mỗi tháng theo mức lương căn cứ vào hợp đồng lao động. Mặc dù, hợp đồng lao động ký trả mức lương cơ bản là 7.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tháng 10, 11, 12/2019 thì Công ty trả cho nguyên đơn là 8.000.000 đồng/tháng cao hơn so với hợp đồng lao động. Việc trả lương cao hơn hợp đồng do giám đốc căn cứ chính sách Công ty để quyết định. Còn lại số tiền thực nhận là các khoản tiền (ví dụ theo bảng liệt kê lương tháng 8, 9, 10 của năm 2019) gồm:

- + Chuyên cần là 300.000 đồng (nếu đi làm đầy đủ)
- + Hỗ trợ thuê nhà ở: 200.000 đồng/tháng.
- + Hỗ trợ xăng xe: 50.000 đồng/tháng.
- + Tiền công ngày thứ 27: (Lương + hỗ trợ công việc): 26 công. Chỉ được tính khi tháng có ngày 31 (Tháng làm việc được tính 26 ngày công).
- + Tiền hỗ trợ công việc: Tổng lợi nhuận trước thuế chia số lượng phòng ban. Số tiền từng phòng ban được nhận sẽ chia cho từng nhân sự trong mỗi phòng ban. Do đó, số tiền hỗ trợ công việc không cố định.

Công ty không thừa nhận đã có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với người lao động. Bởi vì, ngày 25/10/2019 Công ty chỉ đưa ra Biên bản thanh lý hợp đồng nhằm mục đích thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động nếu bà T đồng ý hoặc bà T không đồng ý ký Biên bản thanh lý hợp đồng thì thuộc trường hợp Công ty báo trước thời hạn 05 ngày nhằm chấm dứt hợp đồng lao động kể từ 01/11/2019.

Tại phiên tòa, Công ty xác định ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

1. Không đồng ý trả thêm tiền lương vì đã thanh toán đủ tiền lương tháng 11, tháng 12/2019, mức lương là 8.000.000 đồng/tháng. Trong số tiền 38.013.462 đồng mà Công ty chuyển khoản vào ngày 02/11/2019 cho bà T gồm cả lương tháng 11, 12/2019 là 16.000.000 đồng.

2. Không đồng ý bồi thường 02 tháng tiền lương 18.121.154 đồng x 02 tháng = 36.242.308 đồng vì Công ty không có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật mà hợp đồng lao động được chấm dứt do hết hạn.

3. Không đồng ý trả trợ cấp thôi việc bởi vì hợp đồng lao động chấm dứt do hết hạn.

4. Chỉ đồng ý đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ 01/10/2019 đến hết ngày 30/12/2019 với mức lương trên cơ sở mức lương 7.000.000 đồng/tháng.

Kể từ khi ký hợp đồng lao động vào ngày 01/10/2019 cho đến nay thì bà T không có nộp sổ bảo hiểm cho Công ty. Hiện bà T đang giữ sổ bảo hiểm.

5. Không đồng ý bồi thường 01 tháng tiền lương là 18.121.154 đồng do Công ty không vi phạm thời hạn báo trước mà thực tế đã báo trước từ ngày 25/10/2019 thể hiện qua Biên bản thanh lý hợp đồng mà người lao động đã xác nhận tại nội dung đơn kiện.

6. Không đồng ý bồi thường thêm 02 tháng tiền lương để chấm dứt Hợp đồng lao động: 18.121.154 đồng x 02 tháng = 36.242.308 đồng bởi vì Hợp đồng lao động chấm dứt do hết hạn theo luật định.

Ngoài ra, Công ty cũng đồng ý nhận người lao động trở lại làm việc và không có yêu cầu nào khác.

*** Tại bản án lao động sơ thẩm số 05/2020/LĐ-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T.

Buộc Công ty TNHH G trả cho bà Lê Thị Lệ T số tiền 90.713.461 đồng (chín mươi triệu bảy trăm mười ba ngàn bốn trăm sáu mươi một) sau khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH G chưa thi hành xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Ngày 01/10/2019 là thời điểm mà Công ty TNHH G bắt đầu thực hiện nghĩa vụ và xác nhận về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Lê Thị Lệ T đến hết ngày 30/12/2019 theo mức lương 17.450.000 đồng/tháng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn).

Sau khi án có hiệu lực mà Công ty TNHH G chậm thực hiện nghĩa vụ và chậm xác nhận về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/12/2019) cho bà Lê Thị Lệ T thì bà T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định pháp luật với mức lương 17.450.000 đồng /tháng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc

Công ty TNHH G phải trả trợ cấp thôi việc số tiền là 4.530.288 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm tám mươi tám).

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH G phải chịu án phí lao động có giá ngạch là 2.721.403 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/6/2020 Công ty TNHH G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 12/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận F có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn – do ông Hồ Trần H đại diện và bị đơn – do bà Trần Thị Uyên P đại diện cùng thống nhất: Nguyên đơn đồng ý nhận số tiền bồi thường là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) từ bị đơn, do việc Công ty TNHH G đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số HD1_8010/HĐLĐ ngày 01/10/2019 trái pháp luật đối với bà Lê Thị Lệ T, thanh toán vào ngày 18/9/2020. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác đối với Công ty TNHH G. Bị đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 05/2020/LĐ-ST của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 29/5/2020. Ngày 12/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS. Ngày 11/6/2020 Công ty TNHH G kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và đóng tạm ứng án phí trong thời hạn luật định. Vì vậy,

kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy việc các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình xử bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Án phí lao động sơ thẩm là 1.800.000đ do bị đơn tự nguyện chịu.

Án phí lao động phúc thẩm bị đơn phải chịu.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị. Căn cứ khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 298, khoản 2 Điều 289, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Sửa bản án lao động sơ thẩm số 05/2020/LĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1 Công ty TNHH G có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị Lệ T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Bà Lê Thị Lệ T đồng ý với khoản bồi thường trên và không còn yêu cầu gì khác đối với Công ty TNHH G.

1.2 Thời hạn thanh toán số tiền trên vào ngày 18/9/2020.

1.3 Kể từ ngày bà Lê Thị Lệ T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH G chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền bồi thường trên thì hàng tháng Công ty TNHH G còn phải trả cho bà T số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH G phải chịu là 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng).

4. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH G phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên thu số 0104820 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Tòa án nhân dân Quận F;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận F;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Út

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Bùi Liên Minh

Võ Thị Sang

Phan Thị Út